

Bản án số: 02/2022/DSST

Ngày: 17/01/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Thảo

Bà Nguyễn Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST-DS, ngày 30/11/2021 Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 126/2021/QĐST-DS, ngày 17/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam**; Trụ sở: Tầng 8 tòa nhà Vincomer Center, số 72 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Quyết - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết Đại - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương; ông Nguyễn Viết Đại ủy quyền cho ông Nguyễn Chí Tường - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Chi nhánh Hùng Vương; Địa chỉ: 259-261 đường Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Tường có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Bảo T**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: 1xx đường K, tổ 1x phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

Ngày 30/8/2013 ông Phạm Bảo T đã ký kết Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 30.000.000đ. Cách sử dụng và các khoản lãi, phí chậm trả được quy định tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng

quốc tế do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam quy định. Căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng trên Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Mastercard cho ông Phạm Bảo T, số thẻ MS904296 theo giấy xác nhận thẻ đã nhận ngày 06/09/2013; thời hạn sử dụng thẻ 03 năm đến tháng 8/2016. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Phạm Bảo T đã không trả số tiền thanh toán tối thiểu đúng hạn từ tháng 06/2019 đến nay. Như vậy, ông T đã vi phạm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu ông Phạm Bảo T thanh toán nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán xong toàn bộ khoản nợ quá hạn. Tính đến ngày sao kê 20/12/2021 (kỳ sao kê tháng 12/2021) ông Phạm Bảo T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 2.973.561đ. Trong đó số dư kỳ trước 3.896.761đ; tiền lãi 76.800đ; đã trả trong kỳ 1.000.000đ, số tiền còn nợ đã quá hạn là 2.973.561đ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Bảo T phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng, trong đó tiền nợ gốc 2.896.761đ; tiền lãi 76.800đ (lãi tính đến ngày 20/12/2021).

Bị đơn ông Phạm Bảo T, mặc dù Toà án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng bao gồm cả gốc và lãi là 2.973.561đ (lãi tính đến ngày 20/12/2021), trong đó nợ gốc 2.896.761đ và nợ lãi là: 76.800đ, ông Phạm Bảo T còn phải trả lãi và phí cho Ngân hàng kể từ ngày 21/12/2021 trên số tiền chưa thanh toán theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại các Điều 471, 474, 475 Bộ luật dân sự 2005 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Bảo T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế mà ông Phạm Bảo T đã ký với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), thì Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam có cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho ông Phạm Bảo T số tiền 30.000.000đ. Cách sử dụng và các khoản lãi, phí chậm trả được quy định tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam quy định. Căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng trên Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Mastercard cho ông Phạm Bảo T, số thẻ MS904296 theo giấy xác nhận thẻ, đã nhận ngày 06/09/2013. Ông T đã sử dụng thẻ mua hàng hóa theo số tiền mà Ngân hàng đã cấp tín dụng và thanh toán đúng hạn từ khi sử dụng cho đến tháng 5/2019. Kể từ tháng 06/2019 đến nay ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ hàng tháng theo các kỳ sao kê. Tính đến ngày sao kê 20/12/2021 (kỳ sao kê tháng 12/2021) ông Phạm Bảo T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 2.973.561đ. Trong đó số dư kỳ trước 3.896.761đ; tiền lãi 76.800đ; đã trả trong kỳ 1.000.000đ, số tiền còn nợ đã quá hạn là 2.973.561đ.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ số nợ 2.973.561đ cho Ngân hàng Trong đó tiền nợ gốc 2.896.761đ; tiền lãi 76.800đ (lãi tính đến ngày 20/12/2021) và yêu cầu ông T phải trả lãi và các khoản phí cho Ngân hàng kể từ ngày 21/12/2021 trên số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn thì thấy: Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế giữa Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam và ông Phạm Bảo T là hợp đồng vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho ông T là 30.000.000đ ông T đã nhận thẻ tín dụng và đã sử dụng thẻ. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông T đã trả nợ đúng hạn từ khi sử dụng thẻ cho đến tháng 5/2019. Kể từ tháng 06/2019 đến nay ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ hàng tháng theo các kỳ sao kê. Như vậy, ông T đã vi phạm tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà các bên đã ký kết nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, buộc ông Phạm Bảo T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ 2.973.561đ. Trong đó số nợ gốc 2.896.761đ; tiền lãi 76.800đ (lãi tính đến ngày 20/12/2021), ông Phạm Bảo T còn phải trả lãi và các khoản phí khác cho Ngân hàng trên số tiền chưa thanh toán theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế mà các bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, 474, 475 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 2.973.561đ = 300.000đ.

[6] Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 471, 474, 475 Bộ luật dân sự 2005;  
- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp sử dụng thẻ tín dụng" của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam đối với bị đơn ông Phạm Bảo T.

2. Xử: Buộc ông Phạm Bảo T phải trả cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền: 2.973.561đ đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 2.896.761đ; nợ lãi: 76.800đ (lãi tính đến ngày 20/12/2021).

Ông Phạm Bảo T còn phải trả lãi và các khoản phí khác phát sinh (nếu có) cho Ngân hàng trên số tiền chưa thanh toán theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Bảo T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo biên lai thu số 0002927 ngày 27 tháng 10 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân quận Thanh Khê ĐN;
- THA dân sự TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**Lưu Thị Hằng**